

QUAN NIỆM VỀ TÔN GIÁO TRONG TRIẾT HỌC THỰC DỤNG CỦA W. JAMES

Tóm tắt: Tôn giáo đang trở lại sau một thời gian dài bị khoa học “xua đuổi” ra khỏi cuộc sống của con người, bị coi là “bóng tối của sự ngu dốt”. Vậy các nguyên nhân nào dẫn tới sự phục hưng tôn giáo trong thời đại khai hoàn của khoa học và công nghệ? Tìm câu trả lời hóa giải bí ẩn về sức sống kỳ lạ của tôn giáo trong xã hội hiện đại có thể dựa vào “tiếng nói” của bản thân “địch thủ” của tôn giáo - các nhà khoa học. Bài viết này cung cấp cho độc giả cái nhìn về tôn giáo của W. James, một nhà khoa học lớn của một cường quốc khoa học.

Từ khóa: Quan niệm, thực dụng, tôn giáo, triết học, W. James.

1. Dẫn nhập

Mỹ là một cường quốc tượng trưng cho sức mạnh của nhân loại trên nhiều phương diện, đặc biệt là khoa học, công nghệ. Những thành tựu tưởng như không thể của nước Mỹ là sự thật xác tín cho địa vị chủ nhân của con người trong vũ trụ. Thực tế này có cảm tưởng tất yếu sẽ dẫn tới sự khai hoàn của khoa học trong cuộc chiến chống lại “địch thủ truyền kiếp” của mình là tôn giáo. Nhưng, tất cả trên thực tế không phải là như vậy, thậm chí còn ngược lại. Chính vào thời điểm khoa học và công nghệ Mỹ phồn thịnh nhất, người Mỹ lại trở lại với tôn giáo, đi tìm điểm tựa của mình trong niềm tin tôn giáo. Đây là một nghịch lý cần hóa giải. Song, thực tế này cũng cho thấy một sự thật ngày càng trở nên hiển nhiên là tôn giáo vẫn đang tiếp tục song hành cùng nhân loại và vẫn đóng vai trò không nhỏ trong cuộc sống của xã hội và của con người. Các nhà triết học thực dụng Mỹ, thứ triết học được coi là sản phẩm tinh thần độc đáo duy nhất của người Mỹ và quy định đáng kể “lối sống Mỹ” đang có kỳ vọng được “toàn cầu hóa”, là các nhà khoa học lỗi lạc (nhận giải thưởng Nobel về khoa học), nhưng họ lại “đứng về phía” tôn giáo, luận chứng và

* Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

bảo vệ tôn giáo. Để hiểu rõ thêm hiện tượng “tôn giáo” và địa vị của nó trong “đời người” ở thời đại văn minh khoa học và công nghệ hiện đại, thiết nghĩ, việc tìm hiểu quan niệm về tôn giáo trong triết học của W. James, một đại diện tiêu biểu của triết học thực dụng Mỹ, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

2. Khái quát tư tưởng triết học của W. James

Để thấu hiểu quan niệm của W. James về tôn giáo, trước hết, cần nắm bắt khái quát tư tưởng triết học của ông. Nếu như các tư tưởng của Ch. Pierce (được coi là ông tổ của triết học thực dụng và là tiền bối của W. James) chưa vượt ra khỏi khuôn khổ học thuyết logic, học thuyết phương pháp luận, và mới chỉ đặt các cơ sở cho triết học thực dụng thì W. James và J. Dewey có công phổ biến và phát triển chúng thành một học thuyết triết học toàn vẹn, một phong cách triết lý và một lối sống đặc biệt. Do vậy, họ được coi là những người sáng lập triết học thực dụng.

W. James bắt đầu hoạt động khoa học trong lĩnh vực Tâm lý học - một bộ môn khoa học bao hàm một số yếu tố gần gũi với triết học thực dụng. W. James gọi quan điểm triết học của ông là “chủ nghĩa duy nghiệm triệt để” (tức là học thuyết xuất phát từ tính chất độc lập tuyệt đối của kinh nghiệm). Chủ nghĩa này có nguồn gốc từ truyền thống triết học Anh. Ông nhận thấy ưu thế của truyền thống này ở nguyên tắc chỉ đạo của nó “luôn là luận điểm mọi khác biệt cần dẫn tới khác biệt, rằng mọi khác biệt về lý luận cần có hệ quả là khác biệt về thực tiễn, rằng phương pháp tốt nhất để phân tích một lý thuyết nào đó là phương pháp bắt đầu từ vấn đề: khác biệt về thực tiễn nào là hệ quả sinh ra từ bộ phận thứ nhất hay bộ phận thứ hai của luận đề phải lựa chọn là chân thực? Chúng ta đạt tới chân lý bộ phận nào trong vấn đề này?... Giá trị cụ thể của nó đối với kinh nghiệm cá nhân là gì?”¹.

W. James đặt hy vọng chính vào tính chất thực tiễn này của triết học, tỏ thái độ tức giận đối với siêu hình học tư biện của Kant. Ông viết: “Trên thực tế, *phương pháp phê phán* - phương pháp duy nhất có thể làm cho triết học trở nên xứng đáng được những người nghiêm túc nghiên cứu - được các nhà tư tưởng Anh và Scotlen, chứ không phải được Kant, đưa vào triết học. Nó liên kết mọi bàn luận về những luận đề triết học khác nhau nhờ trả lời cho câu hỏi: giải pháp này hay giải pháp khác cho chúng có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc sống hiện thực hay không? Nếu tất cả các giả thuyết triết học đều mang tính trung lập về phương diện

thực tiễn, thì tại sao chúng ta lại thừa nhận một số trong chúng là chân thực, còn số khác là sai lầm?”².

Thực ra, bản thân W. James lúc đầu đã phủ định liên hệ về mặt logic giữa chủ nghĩa thực dụng của Ch. Pierce với “chủ nghĩa duy nghiệm triệt để” của ông, xem học thuyết của mình là một học thuyết hoàn toàn độc lập: “Có thể hoàn toàn bác bỏ nó (chủ nghĩa duy nghiệm triệt để - ĐMH) và vẫn là người theo chủ nghĩa thực dụng”. W. James đã nói như vậy vào năm 1907 trong “Lời tựa” cho tác phẩm “Chủ nghĩa thực dụng”³. Song, sau 2 năm, trong tác phẩm “Ý nghĩa của chân lý. Sự tiếp nối của chủ nghĩa thực dụng” (1909), W. James lại quan niệm chủ nghĩa thực dụng là tiền đề cần thiết của chủ nghĩa duy nghiệm triệt để. Nhưng, nếu Ch. Pierce xem “quy tắc thực dụng” là phương pháp xác lập ý nghĩa của các khái niệm, thì W. James coi chủ nghĩa thực dụng là phương tiện hữu dụng nhất, trước hết là “phương pháp dàn xếp các cuộc tranh luận siêu hình học”⁴, là con đường dung hòa cho phép giải quyết lưỡng đề cơ bản trong triết học: chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa duy nghiệm. Chủ nghĩa thực dụng chính là triết học có thể đáp ứng các yêu cầu của chủ nghĩa duy lý và của chủ nghĩa duy nghiệm. Ông viết: “Giống như chủ nghĩa duy lý, chủ nghĩa thực dụng có khả năng là một thứ chủ nghĩa mang sắc thái hữu thần, đồng thời giống như chủ nghĩa duy nghiệm, nó có khả năng duy trì quan hệ gần gũi nhất với các sự kiện”⁵.

Như vậy, nối tiếp triết học thực chứng, triết học thực dụng có kỳ vọng đạt tới địa vị phương pháp luận phổ quát, chính xác hơn là phương pháp (“chủ nghĩa thực dụng chỉ là phương pháp”⁶) cho phép giải quyết nhiều vấn đề cơ bản của siêu hình học. James nhấn mạnh: “Phương pháp thực dụng - đó trước hết là phương pháp giải quyết thỏa đáng các cuộc tranh luận siêu hình học, chúng sẽ kéo dài đến vô tận nếu thiếu nó. Thế giới là thống nhất hay đa dạng, tự do hay tất yếu ngự trị ở trong nó, nó là vật chất hay tinh thần? Tất cả chúng đều là những quan niệm hợp lý như nhau về thế giới, các cuộc tranh luận về chúng kéo dài bất tận. Trong những trường hợp tương tự, phương pháp thực dụng cố luận giải mỗi ý kiến bằng cách chỉ ra những hậu quả thực tế của nó. Khác biệt thực tế nào sẽ nhận được đối với ai đó, nếu người ấy thừa nhận chính ý kiến này là chân thực, chứ không phải ý kiến khác? Nếu chúng ta không có khả năng tìm ra một khác biệt thực tế nào, thì hai ý kiến trái ngược thực chất là một, cuộc tranh luận tiếp theo ở đây sẽ trở nên vô bổ”⁷.

Những suy luận này của James rất quan trọng để thấu hiểu bản chất của bản thân chủ nghĩa thực dụng, cũng như của triết học hiện đại, cách tiếp cận của ông với tôn giáo. Ở đây, James xét lại chính quan niệm về bản chất của triết học. Như chúng ta đã biết, từ thời cổ đại cho tới A. Schopenhauer, triết học thực chất định hướng vào nhận thức đáng tin cậy về tồn tại tự nhiên, kể cả tồn tại người như một bộ phận của giới tự nhiên. Song, bắt đầu từ Schopenhauer, tư tưởng triết học đã bắt đầu đi từ con người đến thế giới⁸, sự quan tâm đến giới tự nhiên tất nhiên không biến mất, nhưng nhà triết học chủ yếu quan tâm không phải tới cấu trúc của giới tự nhiên tự thân nó, mà tới ý nghĩa của cấu trúc ấy đối với con người, cái gì suy ra từ tri thức về giới tự nhiên có ý nghĩa đối với con người. Quan điểm của W. James về thực chất của các vấn đề siêu hình học biểu thị định hướng này của triết học hiện đại: “Toàn bộ nhiệm vụ của triết học cần phải chỉ ra sự khác biệt nào sẽ có đối với tôi và đối với bạn ở một thời điểm cuộc đời, nếu một luận điểm nào đó về thế giới là chân thực”⁹. Việc làm rõ ý nghĩa của một quan niệm nào đó đối với chúng ta trở thành cơ sở để lựa chọn nó. Do vậy, con người ủng hộ một hệ thống quan điểm nào đó không phải vì coi hệ thống ấy là chân thực, mà vì nó phù hợp hơn cả với tâm trạng, cảm xúc, lợi ích của mình. Vì triết học thực dụng không bảo vệ một học thuyết nào, mà chỉ là phương pháp, nên nó cởi mở với nhiều trào lưu triết học. Theo W. James, phương pháp này “chỉ là một thái độ cụ thể đối với các sự vật. Mà chính là quan điểm kích thích chúng ta rời nhãn quan của mình khỏi những sự vật đầu tiên khác nhau - các nguyên tắc, các phạm trù, các tính tất yếu hư ảo - và buộc chúng ta phải nhìn về các sự vật cuối cùng - các kết quả, các thành quả, các sự kiện”¹⁰. Điều đó cho thấy rõ triết học thực dụng có đối tượng là “kinh nghiệm của con người như hình thức tối cao của kinh nghiệm trên thế gian này”¹¹.

3. Quan niệm của W. James về tôn giáo

Theo W. James, triết học thực dụng “đứng giữa các học thuyết giống như đứng ở hành lang trong khách sạn. Có vô số phòng trên hành lang này. Trong một phòng có người đang viết tác phẩm vô thần; trong phòng bên cạnh có người đang quỳ gối cầu nguyện xin niềm tin và sức mạnh; trong phòng thứ ba có nhà hóa học đang nghiên cứu thuộc tính của các vật thể; trong phòng thứ tư có người đang suy ngẫm về hệ thống siêu hình học duy tâm; trong phòng thứ năm có người đang chứng minh tính

không thể của siêu hình học. Nhưng hành lang thuộc về mọi người; tất cả đều phải sử dụng nó, nếu muốn có con đường thuận lợi để đi ra và đi vào các phòng tương ứng”¹².

Sử dụng ưu thế này của triết học thực dụng đối với tất cả các trào lưu triết học khác, W. James có chủ ý đưa ra quan niệm của mình về tôn giáo nhờ giải quyết lưỡng đề: thế giới quan khoa học thực nhiên (duy vật luận) và niềm tin tôn giáo (hữu thần luận) dựa trên cơ sở minh biện cho niềm tin tôn giáo thông qua triết học thực dụng. Tư tưởng xuất phát ở đây là tư tưởng của W. James về giá trị thực tế của tôn giáo¹³ đối với cuộc sống con người và khả năng của triết học thực dụng hợp nhất tư chất duy nghiệm của trí tuệ với các nhu cầu tôn giáo của nhân loại một cách hài hòa. Trong những trường hợp chúng ta cần phải giải quyết một vấn đề sống còn nào đó và chúng ta không có các kết luận logic đáng tin cậy nhằm ủng hộ một trong các quan điểm đối lập, chúng ta có thể thông qua quyết định dựa trên kinh nghiệm cảm tính và ý chí của mình. “Bản chất cảm xúc của chúng ta không những có quyền hợp pháp mà còn lựa chọn giữa hai luận điểm mỗi khi sự lựa chọn này là đích thực và không thể đạt được dựa trên cơ sở trí tuệ...”¹⁴.

Theo W. James, xuất phát từ các nguyên tắc thực tế, chúng ta không có quyền bác bỏ bất kỳ một giả thuyết nào dẫn tới những hệ quả hữu ích đối với cuộc sống. Chúng ta có quyền mạo hiểm đặt niềm tin vào bất kỳ giả thuyết nào, nếu nó có thể làm cho chúng ta thỏa mãn. Ông nhận xét: “theo các nguyên tắc của triết học thực dụng, giả thuyết về Chúa là chân thực, nếu nó đem lại thỏa mãn theo nghĩa rộng nhất của từ”¹⁵. W. James coi khát vọng mãnh liệt của con người muốn Chúa tồn tại là cơ sở đầy đủ để đặt niềm tin vào Chúa. Vì niềm tin như vậy đem lại thỏa mãn và an bình, nên nó hoàn toàn được biện minh về mặt thực dụng. James khẳng định: “Trên thực tế, triết học thực dụng không có một định kiến nào, một giáo điều nào cản trở nghiên cứu tự do, một pháp điển và tiêu chuẩn bất biến nào. Triết học thực dụng hoàn toàn cởi mở với mọi người. Nó tính đến mọi giả thuyết, lắng nghe mọi luận cứ. Từ đó suy ra rằng, nó có ưu thế lớn trong lĩnh vực tôn giáo... Tóm lại, triết học thực dụng mở rộng địa bàn cho việc tìm kiếm Chúa... Triết học thực dụng sẵn sàng tính đến cả kinh nghiệm thần bí, nếu nó có các hệ quả thực tế. Nó sẵn sàng thừa nhận Chúa sống ở trong miền tối sâu thẳm nhất của cuộc sống riêng tư, nếu cần cảm nhận thấy chỉ có thể tìm thấy Chúa ở đây. Với triết học thực

dụng, tiêu chuẩn duy nhất về chân lý tương đối là những gì làm lợi nhất cho chúng ta, dẫn dắt chúng ta, những gì phù hợp nhất với mỗi phần cuộc đời... Nếu các ý niệm thần học hoàn thành các yêu cầu đó, nếu khái niệm về Chúa thỏa mãn chúng, thì triết học thực dụng sẽ dựa trên cơ sở nào để phủ định sự tồn tại của Chúa?”¹⁶. Vì tất cả còn có ai sẽ phủ định sự thỏa mãn hữu ích như vậy về phương diện thực dụng được niềm tin vào Chúa đem lại. Nó được chứng minh qua toàn bộ tiến trình lịch sử tôn giáo của nhân loại.

Như vậy, nếu không thể chứng minh, bác bỏ sự tồn tại của Chúa một cách hợp lý, thì sự tồn tại của Chúa hoàn toàn có thể được biện minh từ góc độ thực dụng. W. James viết: “Tôi... cho rằng, những chứng minh trong việc thừa nhận Chúa trước hết bắt nguồn từ kinh nghiệm nội tâm, riêng tư của chúng ta. Vì kinh nghiệm này đem lại Chúa chúng ta cho chúng ta, nên tên gọi “Chúa” ít nhất cũng có nghĩa là sự thỏa mãn do an bình tinh thần đem lại”¹⁷. Áp dụng nguyên tắc thực dụng vào lưỡng đề “duy vật luận” hay “hữu thần luận”, W. James đứng về phía niềm tin tôn giáo, song đây không phải là tôn giáo tự thân nó, không phải là tôn giáo trí tuệ (hợp lý) cùng với những khái niệm tuyệt đối trống rỗng của nó về “Chúa”, “tự do ý chí”, “Tinh thần” hay “Công nghiệp Chúa”. Ông giải thích rõ: “Các danh từ “Chúa”, “tự do ý chí”, “Công nghiệp Chúa”, v.v... chỉ có một... ý nghĩa thực tế. Xem xét tự thân chúng hay theo nghĩa chủ trí, chúng tối nghĩa và không rõ ràng; nhưng khi bạn đưa chúng vào trung tâm cuộc đời bạn, bóng tối bao quanh bạn sẽ trở thành ánh sáng rực rỡ”¹⁸. Ông thừa nhận quan điểm về tôn giáo duy luân lý, đa nguyên “sống động”, có quan hệ với kinh nghiệm tôn giáo của con người, với những dữ liệu kinh nghiệm tôn giáo. Triết học thực dụng đoạn tuyệt với các khái niệm trừu tượng tự thân chúng, đem lại nội dung hiện thực cho chúng. Tín điều sống của ông là: “Nếu có Chúa ở trên trời, thì mọi thứ dưới thế gian đều ổn thỏa”¹⁹. Xuất phát từ nó, W. James chỉ ra hàng loạt luận cứ biện minh cho sự cần thiết và sự tồn tại hữu ích của niềm tin tôn giáo trong cuộc sống của con người.

Thứ nhất, theo W. James, những ưu thế của niềm tin tôn giáo trở nên hiển nhiên, ngay sau khi chúng ta quan tâm tới ý nghĩa thiết thân của nó. Ông cho rằng, nếu dựa vào kinh nghiệm của chủ nghĩa duy vật khoa học, thì bức tranh rùng rợn về tồn tại sẽ hiện ra trước mắt chúng ta, nó khẳng định trạng thái tối hậu của vũ trụ, còn những niềm vui hiếm hoi của cuộc

sống được xem xét dựa trên nó sẽ trở nên phù du, nhất thời. Nhìn chung, bức tranh về thế giới của khoa học biểu thị quy tắc đạo đức hữu hạn, phủ định những hy vọng cuối cùng, chấm dứt tất cả mọi thứ, bị kịch tối hậu. Xét về phương diện này, ưu thế của hữu thần luận là hiển nhiên, vì nó thừa nhận quy tắc đạo đức vô hạn và viễn cảnh rộng lớn dành cho những hy vọng của con người. W. James viết rằng, hữu thần luận “bảo đảm quy tắc lý tưởng và vĩnh hằng... Ở đâu có Chúa, thì bị kịch chỉ mang tính chất nhất thời và cục bộ, sự phá sản cuối cùng và cái chết ở đây không phải là sự cáo chung của tất cả (bị kịch chỉ là một yếu tố có tác dụng thanh tẩy, không loại trừ niềm tin vào sự cứu độ cuối cùng, - ĐMH). Nhu cầu này về quy tắc đạo đức vĩnh hằng là một trong những nhu cầu sâu xa nhất của tâm hồn chúng ta”²⁰. Niềm tin tôn giáo có quan hệ với “miền đất hứa”, trong khi ánh sáng của chủ nghĩa duy vật bị nhấn chìm trong đại dương những thất vọng... cái Tuyệt đối đem lại sự thanh thản tinh thần cho chúng ta”²¹.

Thứ hai, niềm tin tôn giáo mang theo mình hòa bình và thanh thản, “sự an toàn... tránh khỏi những ngẫu nhiên của thế giới kinh nghiệm hữu hạn quảng chúng ta về tứ phía”²².

Thứ ba, với tính cách “trải nghiệm riêng tư của con người”²³, tôn giáo tạo ra thái độ nghiêm túc đối với cuộc sống và loại bỏ thái độ vô trách nhiệm, nó là một cái gì đó trang nghiêm, quan trọng và làm động tâm con người. W. James nhận xét: “Bầu không khí trang nghiêm chiếm ưu thế trong kinh nghiệm tôn giáo... Với chúng ta, Chúa phải có nghĩa là... bản chất thứ nhất không nên quan hệ cách nào khác như cách trang nghiêm, không có khả năng cười rủa hay cười đùa”²⁴. Nói cách khác, tôn giáo đem lại sắc thái khả ái cho cuộc sống, không thể tách biệt nó ra từ bất kỳ cái gì theo con đường hợp lý hay logic. Do vậy, W. James thu hẹp quan niệm truyền thống về tôn giáo thành tôn giáo vui mừng: “Danh từ “tôn giáo” trong quan niệm của tôi cần phải biểu thị chính những cảm xúc vui mừng, tâm trạng hân hoan, tâm trạng sẽ bị phai tàn và tiêu vong khi bị sa vào lĩnh vực đạo đức thuần túy. Nó cần phải biểu thị vương quốc mới của tự do, của tự do tránh khỏi mọi đấu tranh, của những bài hát vui tươi..., cuộc sống vĩnh hằng mở ra trước mắt chúng ta. Chúng ta chỉ tìm thấy niềm vui tuyệt đối và vĩnh hằng như vậy trong tôn giáo”²⁵.

Thứ tư, với triết học thực dụng, giá trị của tôn giáo là hoàn toàn hiển nhiên vì, theo W. James, “trong đời sống tâm lý của chúng ta, nó nhận

được địa vị của một cơ quan hoàn thành các chức năng mà không một phương diện nào khác của bản tính chúng ta có thể hoàn thành cách thành công hơn”²⁶. Đó chính là việc tôn giáo cho phép con người thích nghi một cách hài hòa với trật tự vô hình của các sự vật.

Thứ năm, sinh hoạt tôn giáo giải phóng con người khỏi tâm trạng bị nô dịch và đem lại tâm trạng vững tin rằng, rốt cuộc thì tất cả cũng đều sẽ trở nên tốt đẹp, đem lại “cảm giác an tâm và hài hòa, khẳng định sự sống bất chấp những hoàn cảnh bên ngoài có thay đổi đến đâu đi chăng nữa”²⁷.

Đó là những ưu thế của niềm tin tôn giáo đối với tính hợp lý khoa học. Để đánh giá chúng, W. James đòi hỏi phải xuất phát từ chỗ, chúng có quan hệ như thế nào với các nhu cầu đạo đức của con người, chúng đáp ứng như thế nào các tiêu chuẩn về sự tin tưởng trực tiếp, tính hợp lý triết học và hiệu quả đạo đức²⁸, tức là cần nhìn nhận giá trị của những cảm xúc tôn giáo theo kết quả cuối cùng của chúng, những hệ quả của chúng đối với con người. W. James viết về vấn đề này như sau: “Chúng ta sẽ xác định ý nghĩa và giá trị của tôn giáo thông qua tính hữu ích của nó đối với con người đang truyền bá nó và đối với toàn bộ thế giới còn lại thông qua tính hữu ích của con người ấy. Qua đó, chúng ta quay lại với các phương pháp của triết học duy nghiệm, với nó thì học thuyết chân thực là học thuyết đem lại những kết quả thực tiễn tốt nhất”²⁹. Như vậy, quan điểm này của W. James hoàn toàn phù hợp với “nguyên tắc Pierce”, theo đó tất cả mọi đặc tính siêu hình của Chúa đều không có ý nghĩa cụ thể và tính đáng tin cậy: “mọi ý định chứng minh tính chân thực theo con đường trí tuệ đều hoàn toàn vô vọng”³⁰; trong khi đó thì những đặc tính đạo đức lại có tính chất hoàn toàn khác xét về phương diện thực dụng. Chúng làm cho chúng ta sợ hãi hay hy vọng và trở thành cơ sở cho cuộc sống chân thực. Như vậy, “tôn giáo sống động” được W. James quan niệm theo một cách rất thực dụng, theo ông, nó bộc lộ bản tính vị kỷ của con người: “Trung tâm mà sinh hoạt tôn giáo xoay quanh đó... là sự quan tâm của con người đến số phận cá nhân của mình... Hiện nay, cũng giống như ở thời cổ, con người hữu thần... nhận thức Chúa thông qua những cảm xúc vị kỷ sâu sắc”³¹.

Tóm lại, sự luận chứng cho tôn giáo trong triết học của W. James mang đậm sắc thái thực tế. Chính định hướng suy lý và diễn ngôn triết học tôn giáo của W. James góp phần làm sáng tỏ đáng kể sức sống của tôn giáo trong xã hội và đời sống cá nhân. Quan niệm triết học thực dụng

về tôn giáo của W. James mở ra cho chúng ta thấy những nhu cầu đa dạng của con người hiện thực, do vậy thế giới quan khoa học không thể và không nên có kỳ vọng đóng vai trò nhân tố duy nhất bảo đảm thỏa mãn tất cả những nhu cầu ấy của con người. Tuy nhiên, W. James đã thiên về chủ nghĩa tâm lý trong luận giải tôn giáo, đã bỏ qua hàng loạt nhân tố khác cũng quy định sự tồn tại của tôn giáo. Tôn giáo tồn tại và đáp ứng nhiều chức năng khác nhau, chứ không chỉ “an ủi những linh hồn khát khao sự sống an bình”./.

CHÚ THÍCH:

- 1 W. Джеймс, Многообразие религиозного опыта, СПб., 1992: 352 - 353.
- 2 Sđd: 353.
- 3 W. Джеймс, Прагматизм // У.Джеймс, Воля к вере, М.: Республика, 1997: 208.
- 4 Sđd: 225.
- 5 Sđd: 220.
- 6 Sđd: 227.
- 7 Sđd: 225.
- 8 Schopenhauer nhận xét về điểm này như sau: “Từ thời cổ đại, người ta nói về con người như tiểu vũ trụ. Tôi đảo ngược luận điểm này và chỉ ra rằng, thế giới là “đại nhân”. Một điều hiển nhiên là hiểu biết thế giới sẽ đúng hơn nếu xuất phát từ con người...”. - А. Шопенгауэр, Об интересном, М.: Олимп, 1997: 10.
- 9 W. Джеймс, Прагматизм // W. Джеймс, Воля к вере, М.: Республика, 1997: 227.
- 10 Sđd: 228.
- 11 Sđd: 323.
- 12 Sđd: 228.
- 13 W. James hiểu tôn giáo là “tổng thể những cảm xúc, hành vi và kinh nghiệm của cá nhân riêng biệt”. Xem: W. Джеймс, Многообразие религиозного опыта. СПб, 1992, с. 40.
- 14 W. Джеймс, Прагматизм // У.Джеймс. Воля к вере. М.: Республика, 1997, с. 15.
- 15 Sđd: 323.
- 16 Sđd: 238 - 239.
- 17 Sđd: 249.
- 18 Sđd: 254.
- 19 Sđd: 254.
- 20 Sđd: 248.
- 21 Sđd: 249.
- 22 Sđd: 320.
- 23 W. Джеймс, Многообразие религиозного опыта. СПб, 1992, с. 39.
- 24 Sđd: 45 - 46.
- 25 Sđd: 52 - 53.

- 26 Sđd: 55.
- 27 Sđd: 201.
- 28 Sđd: 31.
- 29 Sđd: 363.
- 30 Sđd: 362.
- 31 Sđd: 389.

Abstract

CONCEPTION OF RELIGION ACCORDING TO PRAGMATIC PHILOSOPHY BY W. JAMES

A matter of religion resurged after it was drove away of human life by sciences for a long time and seen as “shadows of ignorance”. So, in what way the religions revived in the age of the triumphal return in science and technology. To find an answer to question why religion has vitality in modern society, it might be based on the “voice” of the “opponent” of religion - the scientist. This article gave readers a look on religion by W. James who is a famous scientist in a scientific power.

Keywords: Conception, philosophy, pragmatism, religion, W. James.